

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 17/6/2022  
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Dương Thị Kim Hồng**.

Bà **Phạm Thị Nguyên**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà **Bùi Thị Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 114/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Lưu Hữu H**, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đồng Q, xã Quang T, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Fukushima ken - Koriyama shi - tomita higashi 6 - 148 leopalace 102, Nhật Bản.

Người được anh H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị **Lưu Thị A**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Đồng Q, xã Quang T, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L** sinh năm 1997.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: KDC Cổ T, phường An P, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Lưu Hữu H trình bày:** Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang T, thị xã Kinh

M, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/12/2019. Sau khi kết hôn anh, chị cùng sang lao động tại Nhật Bản. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị L đã về nước trước. Từ đó anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lưu Nguyễn Phương B, sinh ngày 26/3/2021, hiện con đang ở với chị L. Do con vẫn còn nhỏ nên anh đề nghị giao con cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý với việc chị L không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh H đang lao động tại Nhật Bản nên anh ủy quyền cho chị Lưu Thị A thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại các bản khai, bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:* Chị và anh Lưu Hữu H có quan hệ hôn nhân như anh H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được 2 tuần thì anh H sang lao động tại Nhật Bản, chị cũng theo anh sang Nhật Bản làm ăn. Đến tháng 11/2020 chị về Việt Nam sinh con, sau khi sinh con được một tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh H không có trách nhiệm với con cái, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay, anh H có đơn xin ly hôn, chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung như anh H trình bày là đúng, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người được anh H ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị Lưu Thị A trình bày:* Chị nhất trí nhận ủy quyền của anh H, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho anh H biết, anh H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Lưu Hữu H ly hôn chị Nguyễn Thị L. Về con chung: Giao cháu Lưu Nguyễn

Phương B cho chị L nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Anh H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lưu Hữu H có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở thôn Đồng Q, xã Quang T, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương, hiện anh đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Mặc dù, anh H không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng anh đã gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương các tài liệu gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin vắng mặt và giấy ủy quyền, các tài liệu này đã được Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản chứng thực. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định ý chí, quan điểm ly hôn của anh H là hoàn toàn tự nguyện. Anh H và chị L đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Hữu H và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang T, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/12/2019 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh H, chị L cùng sang Nhật Bản làm ăn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị L về Việt Nam sinh con, sau đó chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay, anh H và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh H có đơn xin ly hôn, chị L nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh H được ly hôn chị L.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Lưu Hữu H và chị Nguyễn Thị L có một con chung là Lưu Nguyễn Phương B, sinh ngày 26/3/2021, hiện con đang ở với chị L. Do con còn nhỏ nên anh H đề nghị giao con chung cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Chị L cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con chung Lưu Nguyễn Phương B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H, chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Lưu Hữu H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Hữu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lưu Hữu H ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lưu Nguyễn Phương B, sinh ngày 26/3/2021 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

*Anh Lưu Hữu H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

3. Về án phí: Anh Lưu Hữu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2021/0000073 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (do chị Lưu Thị A nộp thay).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lưu Hữu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Quang T, thị xã Kinh M, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã Ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**